



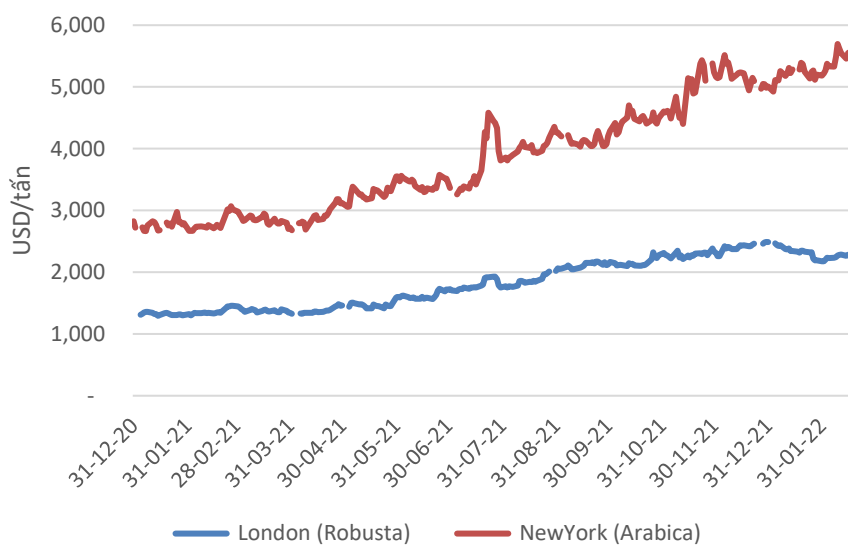
**Tuần 7**  
(14.02.2022 – 18.02.2022)

# BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

## ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn T3/2022 tăng 2,65% so với tuần trước lên mức bình quân 2.262 USD/tấn.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2022 tăng 4,97% so với mức giá tuần trước lên mức bình quân 5.537 USD/tấn.
- ❖ Trong tuần, ICE đã báo cáo lượng dự trữ cà phê tại các kho cảng được giám sát bởi sàn giao dịch này đã giảm trong ngày thứ 15 liên tiếp xuống 1,035 triệu bao.
- ❖ Xuất khẩu cà phê thế giới trong tháng 12/2021 đạt 12,12 triệu bao 60 kg, tăng 8,9% so với mức 11,12 triệu bao cùng kỳ năm 2020.

## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. [www.theice.com](http://www.theice.com)

Thị trường London kỳ hạn tháng 5/2022 có 3 phiên tăng, 1 phiên giảm. Giá cà phê Robusta trung bình đạt 2.281 USD/tấn, tăng 0,81% so với tuần trước, và tăng 69,85% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.290 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.263 USD/tấn.

Thị trường New York kỳ hạn tháng 5/2022 có 3 phiên tăng, 1 phiên giảm. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 5.523 USD/tấn, giảm 0,25% so với mức giá tuần trước và tăng 101,52% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 5.561 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 5.458 USD/tấn.

Theo số liệu từ Cơ quan thương mại Brazil, xuất khẩu cà phê của nước này trong tháng 1/2022 đạt 2.968.217 bao, giảm 19,8% so với tháng 1/2021, nhưng tăng 9% so với tháng 1/2019.

Hiệp hội cà phê xanh của Hoa Kỳ thông báo tồn kho tại các cảng của nước này đã giảm 37.851 bao tương đương 0,65% trong tháng 01/2022, ở mức 5,795,841 bao vào thời điểm cuối tháng. Trong số này, 58.539 bao đã được đăng ký trong các kho dự trữ cà phê được chứng nhận của Hoa Kỳ tại thời điểm báo cáo.

Sự sụt giảm tồn kho cà phê vào cuối tháng 01/2022 đánh dấu tháng giảm thứ 5 liên tiếp đối với tồn kho Cà phê xanh của Hoa Kỳ. Dự báo dự trữ cà phê trong thị trường tiêu thụ sẽ tiếp tục giảm, do các nhà rang xay tiếp tục chuyển sang dự trữ để hỗ trợ tồn kho, trong bối cảnh vận chuyển và logistics toàn cầu vẫn còn nhiều thách thức.

Bộ Nông nghiệp Colombia cho biết sản lượng cà phê arabica sản xuất ướt truyền thống có thể đạt mức 13,20 triệu bao trong năm 2022, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2021 ở mức 12,60 triệu bao. Điều kiện thời tiết tốt hơn cũng như giảm các hạn chế trong nước góp phần tăng sản lượng.

Cơ quan Phát triển Cà phê Uganda UCDA cho biết xuất khẩu cà phê của quốc gia này trong tháng 01/2022 đạt 43.709 bao, giảm 9,80% so với cùng kỳ năm ngoái. Xuất khẩu cá phê Robusta của Uganda đã giảm 20,76% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 315.265 bao. Xuất khẩu Arcabia tăng 80,84% lên tổng 86.947 bao trong tháng 01/2022. Báo cáo của UCDA cũng cho biết lũy kế xuất khẩu 4 tháng đầu tiên của niên vụ cà phê 2021/22 đạt 226.455 bao, tăng 13,14% cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

Theo báo cáo của Safras & Mercado, nông dân trồng cà phê Brazil đã bán được khoảng 32% tổng sản lượng dự báo là 63 triệu bao từ vụ cà phê Brazil từ tháng 7 năm 2022 đến tháng 6 năm 2023. Với ước tính 37% sản lượng arabica đã được bán, so với 28% trong cùng kỳ năm ngoái và 19% doanh số bán Conilon Robusta vượt qua mức 9% được ghi nhận vào cùng thời điểm năm 2021. Báo cáo chỉ ra rằng vẫn có sự

thận trọng của các nhà sản xuất khi tham gia đầy đủ vào hoạt động bán hàng kỳ hạn, do chi phí cận biên cao, cùng với sự biến động phổ biến về giá trị cao hơn được thấy trên thị trường cà phê kỳ hạn New York.

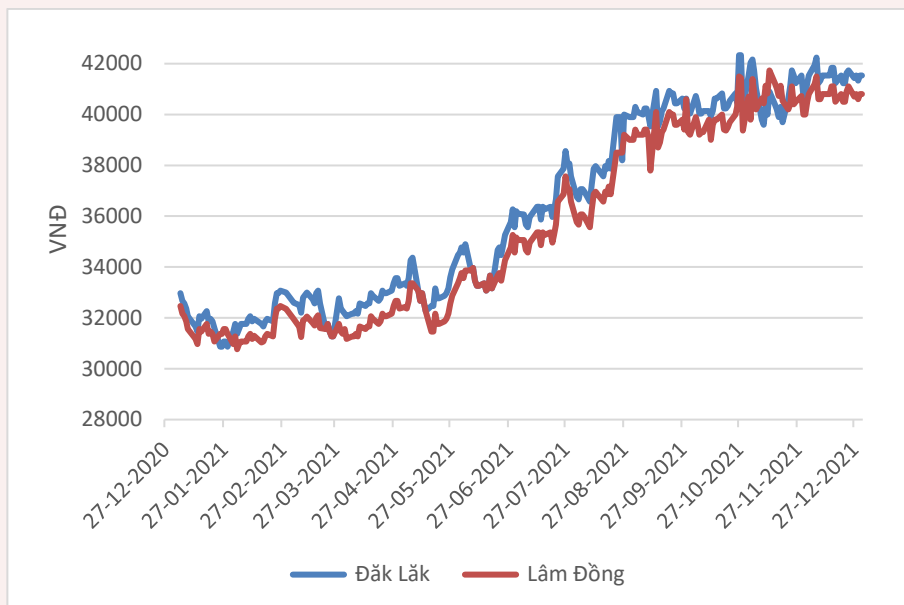
Xuất khẩu cà phê của khu vực Trung Mỹ và Mexico trong quý đầu tiên của niên vụ 2021 - 2022 đạt 1,8 triệu bao, tăng so với 1,4 triệu bao của cùng kỳ niên vụ 2020 - 2021. Guatemala, Honduras, Mexico và Nicaragua là những quốc gia ghi nhận mức tăng trưởng xuất khẩu trong khu vực, chiếm 91,9% tổng khối lượng tăng thêm.

Tương tự, xuất khẩu của châu Phi tăng lên 3,2 triệu bao trong quý đầu tiên của niên vụ cà phê 2021-2022, tăng so với 3 triệu bao so với quý đầu tiên của niên vụ 2020-2021. Hai nhà xuất khẩu lớn nhất trong khu vực, Ethiopia và Uganda là hai động lực chính của sự gia tăng này với xuất khẩu đạt lần lượt là 0,9 triệu bao và 1,6 triệu bao.

## ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng từ 900-1.000 đồng/kg. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 40.953 đồng/ kg. Giá trung bình tại Lâm Đồng là 40.420 đồng/kg
- ❖ Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn tăng 2,08% so với tuần lên mức 2.298 USD/tấn.
- ❖ Lũy kế đến hết năm 2021, Đắk Nông đã thực hiện Chương trình tái canh cà phê đạt 23.104,25 ha.
- ❖ Mùa vụ 2021 - 2022, lần đầu tiên nông dân trồng cà phê ở xã Lát, huyện Lạc Dương tiêu thụ cà phê đạt chuẩn chứng nhận Rain Forest Alliance 2020.

## THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình trong nước tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này tăng nhẹ so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 41.533 đồng/kg, tăng 1,42% so với tuần trước và tăng 30,54% so với cùng kỳ năm 2021. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta tăng 1,48% so với tuần trước, lên mức bình quân 41.020 đồng/kg, tăng 31,54% so với cùng kỳ năm ngoái.

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 2.318,4 USD/tấn, tăng 0,86% so với tuần trước.

Nhằm phát triển bền vững ngành cà phê có truy xuất, liên kết theo chuỗi giá trị, năm 2021 Trung tâm Khuyến nông Đắk Nông đã phối hợp Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm Nghiệp Tây Nguyên thực hiện dự án “Xây dựng mô hình sản xuất cà phê với theo hướng hữu cơ có truy xuất nguồn gốc và liên kết theo chuỗi giá trị”.

Mô hình trồng cà phê với theo hướng hữu cơ được triển khai tại xã Tân Thành, Nam Nung, huyện Krông Nô. Quy mô thực hiện 10 ha/10 hộ tham gia, các hộ tham gia được hỗ trợ 45% tổng số các loại vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, được cán bộ kỹ thuật hướng dẫn kỹ thuật sản xuất theo định kỳ.

Kết quả sau 7 tháng triển khai vườn trồng cà phê với theo hướng hữu cơ sinh trưởng và phát triển tốt, lá có màu xanh đậm, phiến lá dày, cành dự trữ đảm bảo năng suất cho vụ sau. Năng suất cà phê trung bình đạt 3,5 tấn/ha. Lợi nhuận mô hình trồng cà phê hữu cơ đạt trên 75 triệu đồng/ha và tăng 15,6 % so với mô hình đối chứng.

Sự khác biệt lớn nhất mô hình trồng cà phê theo hướng hữu cơ liên kết tiêu thụ sản phẩm là tuyệt đối không sử dụng thuốc trừ cỏ, 100% sản phẩm làm ra được bao tiêu với giá cao hơn thị trường tùy theo từng loại.

Đối với cà phê quả tươi có giá cao hơn thị trường 1.000 đồng/kg; đối với nhân chế biến ướt cao hơn thị trường 12.000 đồng/kg; đối với nhân xô cao hơn thị trường 300 đồng/kg.

Như vậy mô hình bước đầu đã làm thay đổi tư duy sản xuất của người nông dân hướng đến một nền nông nghiệp tốt, nông nghiệp sạch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, giúp tăng năng suất chất lượng cây trồng, tăng giá trị sản phẩm, từng bước nâng cao thu nhập cho người trồng cà phê trên địa bàn tỉnh góp phần ổn định cuộc sống.

Cuộc thi Cà phê đặc sản Việt Nam đã trở thành một hoạt động thường niên đối với ngành cà phê. Năm 2022, Cuộc thi Cà phê đặc sản Việt Nam lần thứ tư đã được khởi động vào hồi cuối tháng 10/2021 nhân dịp trao giải Cuộc thi Cà phê đặc sản Việt Nam năm 2021.

Theo Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột, để chuẩn bị cho Cuộc thi Cà phê đặc sản lần thứ tư, ngoài hàng loạt các sự kiện diễn ra như: phát động cuộc thi; ban hành quy chế thi mới và gửi cho tất cả các đơn vị cà phê trên cả nước..., Hiệp hội đã tổ chức nhiều lớp tập huấn "Chế biến cà phê chất lượng cao" cho các đối tượng trong ngành hàng cà phê. Điểm mới của các lớp tập huấn là tổ chức ở nhiều địa phương, gần vùng nguyên liệu cà phê hơn, không tổ chức tập trung đông người để phòng tránh dịch bệnh COVID-19 và tiết kiệm chi phí trong giảng dạy. Thời gian tổ chức được rút ngắn, với nội dung tập huấn sát với thực tế của địa phương để người học áp dụng dễ hơn và mang lại hiệu quả tốt hơn.

Theo số liệu tổng hợp của phòng NN&PTNT huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk, trên địa bàn huyện hiện có hơn 4.800 ha cà phê. Trong đó, diện tích cà phê kinh doanh là hơn 3.939,4 ha, còn lại đang ở giai đoạn trồng mới, diện tích trồng cà phê tập trung chủ yếu ở các xã Đắk Phơi, Đắk Liêng,

Đắk Nuê, Krông nô. Cũng như các địa phương khác ở Tây Nguyên, hiện phần lớn nông dân huyện Lắk đang sử dụng phương pháp tưới phun mưa (tưới béc) và tưới gốc (tưới dí). Thông thường có 3 – 4 đợt tưới trong mùa khô để đảm bảo cho cây cà phê phát triển tốt. Nhưng trong năm nay có thể bà con phải tưới thêm đợt 5 nếu như mùa khô kéo dài.

Bên cạnh nước tưới, việc cung cấp dinh dưỡng hợp lý cho cà phê cũng cần quan tâm. Khi cung cấp dinh dưỡng cân đối, hợp lý cà phê cây sinh trưởng phát triển tốt, chống chịu với điều kiện khắc nghiệt của mùa khô tạo tiền đề năng suất cho mùa vụ mới. Tuy nhiên, năm nay, người nông dân trồng cà phê gặp nhiều khó khăn đó là ngoài giá phân tăng cao thì nay giá dầu cũng tăng.

Chi phí đầu tư tăng trong khi giá cả cà phê không ổn định đã khiến nhiều nông dân trên địa bàn huyện băn khoăn trong việc trồng loại cây gì và đầu tư như thế nào để có lợi nhuận. Điều này không những ảnh hưởng đến thu nhập của người dân mà còn tác động không nhỏ đến phát triển kinh tế của huyện nói chung và công tác xóa đói giảm nghèo của các địa phương trong huyện.

#### **Nguồn tham khảo:**

1. <https://www.theice.com/index>
2. <https://www.iandmsmith.com/>
3. <https://www.comunicaffe.com>
4. CTV và trang tin Tin Tây Nguyên
5. <https://giacaphe.com>
6. <https://www.comunicaffe.com/>
7. <https://vietnambiz.vn/ico-xuat-khau-ca-phe-arabica-sut-giam-trong-khi-robusta-tang-toc-20220211155439749.htm>
8. <https://baodaklak.vn/kinh-te/202202/san-sang-cho-san-choi-ca-phe-dac-san-viet-nam-nam-2022-eb0012e/>
9. <https://tthlak.gov.vn/tin-tuc/nguoi-trong-ca-phe-lo-lang-khi-buoc-vao-vu-tuoi>

## Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

| Tỉnh/ huyện                      | Thứ 2         | Thứ 3         | Thứ 4         | Thứ 5         | Thứ 6         | Trung bình    | Tăng/ giảm |
|----------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|------------|
| <b>LÂM ĐỒNG</b>                  | <b>40.900</b> | <b>40.900</b> | <b>40.900</b> | <b>41.200</b> | <b>41.200</b> | <b>41.020</b> | <b>600</b> |
| Bảo Lộc                          | 40.900        | 40.900        | 40.900        | 41.200        | 41.200        | 41.020        | 600        |
| Di Linh                          | 40.900        | 40.900        | 40.900        | 41.200        | 41.200        | 41.020        | 600        |
| Lâm Hà                           | 40.900        | 40.900        | 40.900        | 41.200        | 41.200        | 41.020        | 600        |
| <b>ĐẮK LẮK</b>                   | <b>41.433</b> | <b>41.433</b> | <b>41.333</b> | <b>41.733</b> | <b>41.733</b> | <b>41.533</b> | <b>580</b> |
| Cư M'gar                         | 41.500        | 41.500        | 41.400        | 41.800        | 41.800        | 41.600        | 580        |
| Ea H'leo                         | 41.400        | 41.400        | 41.300        | 41.700        | 41.700        | 41.500        | 580        |
| Buôn Hồ                          | 41.400        | 41.400        | 41.300        | 41.700        | 41.700        | 41.500        | 580        |
| <b>GIA LAI</b>                   | <b>41.333</b> | <b>41.333</b> | <b>41.233</b> | <b>41.633</b> | <b>41.633</b> | <b>41.433</b> | <b>580</b> |
| Pleiku                           | 41.300        | 41.300        | 41.200        | 41.600        | 41.600        | 41.400        | 580        |
| Chư Prông                        | 41.400        | 41.400        | 41.300        | 41.700        | 41.700        | 41.500        | 580        |
| La Grai                          | 41.300        | 41.300        | 41.200        | 41.600        | 41.600        | 41.400        | 580        |
| <b>ĐẮK NÔNG</b>                  | <b>41.350</b> | <b>41.350</b> | <b>41.250</b> | <b>41.650</b> | <b>41.650</b> | <b>41.450</b> | <b>580</b> |
| Đắk R'lấp                        | 41.300        | 41.300        | 41.200        | 41.600        | 41.600        | 41.400        | 580        |
| Gia Nghĩa                        | 41.400        | 41.400        | 41.300        | 41.700        | 41.700        | 41.500        | 580        |
| <b>KON TUM</b>                   | <b>41.400</b> | <b>41.400</b> | <b>41.300</b> | <b>41.700</b> | <b>41.700</b> | <b>41.500</b> | <b>580</b> |
| Đắk Hà                           | 41.400        | 41.400        | 41.300        | 41.700        | 41.700        | 41.500        | 580        |
| <b>HỒ CHÍ MINH<br/>(USD/tấn)</b> | <b>2.304</b>  | <b>2.304</b>  | <b>2.322</b>  | <b>2.331</b>  | <b>2.331</b>  | <b>2.318</b>  | <b>20</b>  |

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGROiNFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: [info@agro.gov.vn](mailto:info@agro.gov.vn)

Website: [www.agro.gov.vn](http://www.agro.gov.vn)